TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày 11 tháng 6 năm 2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tiến Dũng, ông Trần Hữu Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Luật - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2025/TLST - DS ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 4 năm 2025 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST – DS ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 115, đường Điện Biên , thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 14, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị T trình bày tóm tắt:

Ngày 03 tháng 11 năm 2018, bà cho bà Nguyễn Thị S vay 200kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn và 2.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng. Đến nay, quá hạn trả nợ mà bà S không trả nên bà khởi kiện yêu cầu bà S trả 200kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn với 2.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bà Nguyễn Thị S trình bày tóm tắt:

Ngày 03 tháng 11 năm 2018, bà vay của bà T 200kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn và 2.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng.

Sau đó, bà trả cho chồng bà T 50kg cà phê, 800.000đ. Đến nay, nợ lại 150kg cà phê và 1.200.000đ. Bà đồng ý trả vào ngày 01 tháng 12 năm 2025 và tính giá 50.000đ/kg.

Tại Giấy ô vuông có nội dung tóm tắt:

Ngày 03 tháng 11 năm 2018, chị S S, TDP 14 vay 200 kg (Hai tạ cà nhân) hẹn 1 tháng sau trả và chị S mượn 2.000.000đ (Hai triệu đồng y) 3/11/2018.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bà T và bà S chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Mặc dù đã được triệu tập nhưng bà S vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà S trả cho bà T 200kg cà phê nhân xô; 2.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định.

Về án phí: Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Bà Tiếc khởi kiện yêu cầu bà S trả số tiền và cà phê đã vay. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Bà T làm đơn khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Bà S có hộ khẩu thường trú tại, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Bà T có đơn xin vắng mặt. Bà S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Vì vậy HĐXX căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

[3.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc bà S trả 200kg, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà T và bà S đều thừa nhận ngày 03 tháng 11 năm 2018, bà S vay của bà T 200kg cà phê nhân xô. Bà S cho rằng đã trả 50kg nhưng bà S không có chứng cứ chứng minh, cho nên bà T khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, buộc bà S trả cho bà T 200kg cà phê nhân xô.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc bà S trả 2.000.000đ và lãi suất, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà T và bà S cũng đều thừa nhận ngày 03 tháng 11 năm 2018, bà S vay của bà T 2000.000đ. Bà S cho rằng đã trả 800.000đ, nhưng bà S không có chứng cứ chứng minh

cho nên bà T khởi kiện là có căn cứ pháp lý. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, buộc bà S trả cho bà T 2.000.000đ.

Do hợp đồng không ghi thời hạn, không ghi lãi suất và có tranh chấp nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng không kỳ hạn, không có lãi vì vậy nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả nợ bất cứ lúc nào theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự. Nguyên đơn cho rằng đã yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng lại không có chứng cứ chứng minh do đó Hội đồng xác định ngày nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ là ngày nguyên đơn khởi kiện (16/01/2025), nên lãi suất được tính từ ngày này và lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất của 20%/năm x 2.000.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, xác định số lãi suất bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 04 tháng 25 ngày x 2.000.000đ x 0,83%/tháng = 80.233đ.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được Tòa án chấp nhận, buộc bà S trả cho bà T 200kg (200kg x 114.300đ/kg = 22.860.000đ) và 2.080.233đ. Bà S không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí, vì vậy bà S phải chịu 1.247.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch. Được tính như sau: (22.860.000đ + 2.080.233đ) = 24.940.233đ x 5% = 1.247.011đ, làm tròn là 1.247.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; các điều 147; 235; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, buộc bà Nguyễn Thị S trả cho bà Trần Thị T 200kg cà phê nhân xô và 2.080.233đ (Gốc 2.000.000đ, lãi suất tính đến ngày 11 tháng 6 năm 2025 là 80.233đ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị S phải chịu 1.247.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho bà Trần Thị T 582.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo Biên lai số AA/2023/0002563 ngày 16 tháng 01 năm 2025.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện E;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Văn Dũng